

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn năm 2025 cho các tổ chức tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của tổ chức được phân bổ hạn ngạch

1. Sử dụng các chất được kiểm soát theo đúng lượng hạn ngạch trong năm được phân bổ.

2. Tuân thủ nghĩa vụ báo cáo về tình hình sử dụng các chất được kiểm soát trước ngày 15 tháng 01 hằng năm theo quy định của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động sử dụng các chất được kiểm soát.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, các tổ chức có tên nêu tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Bộ Công Thương;
- Cục Hải quan (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, VP(TH), BĐKH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

Phụ lục 1.

**DANH SÁCH PHÂN BỐ HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT
LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn ODP)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
1.	Công ty TNHH TM Thanh Kim Long	0301438580	30,25	HCFC-22	2903.71.00	550.000
2.	Công ty TNHH MTV Vật tư Mạnh Tuấn	0301597548	3,63	HCFC-22	2903.71.00	57.085
				HCFC-123	2903.72.00	8.172
3.	Công ty CP CĐL Hoàng Đạt	0101610932	1,65	HCFC-22	2903.71.00	30.000
4.	Công ty TNHH TM-DV Thiên Phúc Hưng	0102239206	5,89	HCFC-22	2903.71.00	107.000
5.	Công ty CP XNK Toàn Phát	0104147430	1,87	HCFC-22	2903.71.00	34.000
6.	Công ty TNHH Đặng Hải Anh	0302977994	4,40	HCFC-22	2903.71.00	80.000
7.	Công ty CP CĐL BKRE Bách Khoa	0106450947	3,03	HCFC-22	2903.71.00	55.000
8.	Công ty CP Cơ điện lạnh Hồng Phúc	0101678070	1,60	HCFC-22	2903.71.00	29.000
9.	Công ty TNHH Tổng hợp TM Phương Anh	0105214538	0,83	HCFC-22	2903.71.00	15.000
10.	Công ty CP CĐL Hoàng Bách	0106043099	1,43	HCFC-22	2903.71.00	26.000
11.	Công ty CP CĐL Toàn Phát	0900742357	1,76	HCFC-22	2903.71.00	32.000
12.	Công ty CP Quốc tế VNLIGHT	0401662610	1,10	HCFC-22	2903.71.00	20.000

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn ODP)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
13.	Công ty TNHH Kim Phong Hưng	0301962258	1,38	HCFC-22	2903.71.00	25.000
14.	Công ty TNHH Công nghệ và TM Nhật Anh	0103421200	1,87	HCFC-22	2903.71.00	34.000
15.	Công ty TNHH Điện Lạnh Thuận Thành	0100954112	1,32	HCFC-22	2903.71.00	24.000
16.	Công ty TNHH NS Việt Nam	0108721656	0,83	HCFC-22	2903.71.00	15.000
17.	Công ty CP TP Tech quốc tế	0108385556	0,83	HCFC-22	2903.71.00	15.000
18.	Công ty TNHH KCN Thái dương	0302779625	1,82	HCFC-22	2903.71.00	33.000
19.	Công ty TNHH Phú Mỹ An	0101559450	2,09	HCFC-22	2903.71.00	38.000
20.	Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật và thiết bị bảo vệ	0100284901	0,83	HCFC-22	2903.71.00	15.000
21.	Công ty TNHH Tổng hợp TM Đức Hùng	0106346022	0,83	HCFC-22	2903.71.00	15.000
22.	Công ty CP XNK Greencool Tech VN	0110468390	0,83	HCFC-22	2903.71.00	15.000
23.	Công ty TNHH CĐL Taisei	0108729422	0,74	HCFC-22	2903.71.00	13.500
24.	Công ty CP Phát triển CĐL Hoàng Đạt	0110212857	0,74	HCFC-22	2903.71.00	13.500
	TỔNG SỐ		71,5			1.300.000

Phụ lục 2.
DANH SÁCH PHÂN BỐ HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT
GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
1.	Công ty TNHH Thương mại Thanh Kim Long	0301438580	2.719.428	HFC-134a	2903.45.00	470.000
				HFC-32	2903.42.00	545.525
				HFC-404A	3827.61.10	160.000
				HFC-407C	3827.64.00	81.000
				HFC-410A	3827.63.10	410.000
				HFC-507A	3827.61.20	13.000
2.	Công ty TNHH Chermours Việt Nam	0316056665	752.706	HFC-134a	2903.45.00	178.000
				HFC-404A	3827.61.10	34.868
				HFC-407C	3827.64.00	36.320
				HFC-410A	3827.63.10	108.960
				HFC-507A	3827.61.20	9.080
				HFC-508B	3827.51.00	50
				HFC- 452A	3827.63.90	5.000
				HFC- 513A	3827.68.00	10.000
				HFC- 449A	3827.65.00	10.000
				HFC-43-10mee	2903.48.00	1.000
3.	Công ty TNHH Entalpia Europe Việt Nam	0316212106	1.938.694	HFC-134a	2903.45.00	400.000
				HFC-227ea	2903.46.00	140.000
				HFC-32	2903.42.00	184.000

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
				HFC-404A	3827.61.10	25.000
				HFC-407C	3827.64.00	4.000
				HFC-410A	3827.63.10	244.000
				HFC-507A	3827.61.20	44.000
				HFC-152a	2903.43.00	14.000
4.	Công ty TNHH MTV Vật Tư Mạnh Tuấn	0301597548	534.908	HFC-134a	2903.45.00	85.000
				HFC-32	2903.42.00	120.000
				HFC-404A	3827.61.10	22.000
				HFC-407C	3827.64.00	22.000
				HFC-410A	3827.63.10	70.000
				HFC-507A	3827.61.20	12.995
				HFC- 452A	3827.63.90	222
				HFC- 513A	3827.68.00	5.000
				HFC- 449A	3827.65.00	230
				HFC- 245 fa	2903.47.00	5.000
5.	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Hoàng Đạt	0101610932	435.040	HFC-134a	2903.45.00	55.000
				HFC-32	2903.42.00	90.000
				HFC-404A	3827.61.10	12.000
				HFC-410A	3827.63.10	119.050
6.	Công Ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thiên Phúc Hưng	0102239206	421.108	HFC-134a	2903.45.00	80.000
				HFC-32	2903.42.00	88.000
				HFC-404A	3827.61.10	8.500
				HFC-407C	3827.64.00	8.800
				HFC-410A	3827.63.10	95.000
7.	Công ty Cổ phần Khí công nghiệp dầu khí Việt Hàn	03502343422	113.284	HFC-125	2903.44.00	897
				HFC-134a	2903.45.00	15.000

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
				HFC-32	2903.42.00	10.000
				HFC-404A	3827.61.10	8.394
				HFC-407C	3827.64.00	164
				HFC-410A	3827.63.10	13.500
				HFC-507A	3827.61.20	5.153
				HFC-152a	2903.43.00	81
8.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Toàn Phát	0104147430	617.608	HFC-134a	2903.45.00	220.000
				HFC-32	2903.42.00	35.000
				HFC-404A	3827.61.10	13.000
				HFC-407C	3827.64.00	13.200
				HFC-410A	3827.63.10	60.000
				HFC-507A	3827.61.20	20.000
9.	Công ty TNHH Đặng Hải Anh	0302977994	304.523	HFC-134a	2903.45.00	97.000
				HFC-32	2903.42.00	69.800
				HFC-404A	3827.61.10	12.430
				HFC-410A	3827.63.10	33.500
10.	Công ty cổ phần Daikin Air Conditioning (Viet Nam)	0301450108	855.461	HFC-32	2903.42.00	325.500
				HFC-410A	3827.63.10	300.000
				HFC-134a	2903.45.00	6.500
				HFC-407C	3827.64.00	30
11.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CNS	0102609841	390.042	HFC-134a	2903.45.00	200.000
				HFC-32	2903.42.00	9.000
				HFC-404A	3827.61.10	10.000
				HFC-410A	3827.63.10	24.700
				HFC-507A	3827.61.20	1.800

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
12.	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh BKRE Bách Khoa	0106450947	466.804	HFC-134a	2903.45.00	82.500
				HFC-32	2903.42.00	90.000
				HFC-404A	3827.61.10	22.000
				HFC-407C	3827.64.00	13.000
				HFC-410A	3827.63.10	85.600
13.	Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hồng Phúc	0101678070	274.577	HFC-134a	2903.45.00	100.105
				HFC-32	2903.42.00	3.000
				HFC-404A	3827.61.10	10.000
				HFC-407C	3827.64.00	5.000
				HFC-410A	3827.63.10	20.000
				HFC-507A	3827.61.20	5.000
				HFC-448A	3827.65.00	6.000
				HFC-513A	3827.68.00	6.000
				HFC-452A	3827.63.90	2.000
				HFC-245fa	2903.47.00	2.000
				HFC-450A	3827.68.00	1.000
				HFC-515B	3827.69.00	2.000
14.	Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	03104747190	74.898	HFC-134a	2903.45.00	43.021
				HFC-404A	3827.61.10	750
				HFC-407C	3827.64.00	5.000
				HFC-410A	3827.63.10	750
15.	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh TAISEI	0108729422	345.669	HFC-134a	2903.45.00	55.000
				HFC-32	2903.42.00	120.000
				HFC-404A	3827.61.10	10.000
				HFC-410A	3827.64.00	70.015
16.	Công ty TNHH S-TEC VINA	0700801090	703.892	HFC-227ea	2903.46.00	218.600

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
17.	Công ty TNHH Cen Việt Nam	0315269406	11.822	HFC-134a	2903.45.00	4.800
				HFC-32	2903.42.00	600
				HFC-404A	3827.61.10	400
				HFC-407C	3827.64.00	400
				HFC-410A	3827.63.10	700
				HFC-507A	3827.61.20	200
				HFC-43-10mee	2903.48.00	10
18.	Công ty TNHH Tổng hợp Thương mại Phương Anh	0105214538	121.722	HFC-134a	2903.45.00	4.760
				HFC-32	2903.42.00	20.600
				HFC-404A	3827.61.10	12.535
				HFC-410A	3827.63.10	12.430
				HFC-507A	3827.61.20	6.498
19.	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Huy Hoàng	0316310713	140.233	HFC-134a	2903.45.00	15.500
				HFC-32	2903.42.00	20.000
				HFC-404A	3827.61.10	24.000
				HFC-410A	3827.63.10	5.000
20.	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ ADS Việt Nam	0108183503	88.560	HFC-227ea	2903.46.00	20.000
				HFC-23	2903.41.00	450
				HFC-125	2903.44.00	5.000
21.	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Toàn Phát	0900742357	124.276	HFC-134a	2903.45.00	18.000
				HFC-32	2903.42.00	30.400
				HFC-404A	3827.61.10	2.500
				HFC-407C	3827.64.00	2.500
				HFC-410A	3827.63.10	27.000
				HFC-23	2903.41.00	500
22.	Công ty Cổ phần quốc tế VNLIGHT	0401662610	56.258	HFC-134a	2903.45.00	29.900

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
				HFC-32	2903.42.00	6.700
				HFC-410A	3827.63.10	4.300
23.	Chi nhánh công ty TNHH Denso Việt Nam tại Hà Nội	0101210878-001	67.210	HFC-134a	2903.45.00	47.000
24.	Công ty TNHH Kim Phong Hưng	0301962258	8.568	HFC-134a	2903.45.00	1.400
				HFC-32	2903.42.00	1.400
				HFC-404A	3827.61.10	800
				HFC-407C	3827.64.00	350
				HFC-410A	3827.63.10	892
25.	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hồng Thuyền	0305326341	29.946	HFC-227ea	2903.46.00	9.300
26.	Công ty TNHH TM Dịch vụ Hồng Thuyền - Chi nhánh Đồng Nai	0305326341-004	31.556	HFC-227ea	2903.46.00	9.800
27.	Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại Nhật Anh	0103421200	57.432	HFC-134a	2903.45.00	12.640
				HFC-32	2903.42.00	15.000
				HFC-410A	3827.63.10	14.000
28.	Công ty TNHH THE K GTC	0109041773	135.363	HFC-134a	2903.45.00	80.000
				HFC-32	2903.42.00	2.000
				HFC-404A	3827.61.10	3.000
				HFC-407C	3827.64.00	1.000
				HFC-410A	3827.63.10	1.000
				HFC-507A	3827.61.20	1.000
29.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Tài Nguyên	0305399406	3.996	HFC-23	2903.41.00	270
30.	Công ty TNHH Điện lạnh Thuận Thành	0100954112	253.037	HFC-134a	2903.45.00	10.500
				HFC-32	2903.42.00	7.820
				HFC-404A	3827.61.10	25.500
				HFC-407C	3827.64.00	18.440
				HFC-410A	3827.63.10	25.000
				HFC-507A	3827.61.20	12.000

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
31.	Công ty TNHH MTV cơ điện lạnh HBC	0109983326	78.415	HFC-134a	2903.45.00	16.000
				HFC-32	2903.42.00	15.968
				HFC-410A	3827.63.10	15.800
				HFC-404A	3827.61.10	3.000
32.	Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp và Thương mại Bình Minh	0201152281	1.179	HFC-134a	2903.45.00	500
				HFC-227ea	2903.46.00	10
				HFC-365mfc	2903.48.00	50
				HFC-404A	3827.61.10	100
33.	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận vận tải Quang Hưng	0301245691	1.984	HFC-134a	2903.45.00	20
				HFC-404A	3827.61.10	470
				HFC-407C	3827.64.00	50
				HFC-417A	3827.63.90	10
34.	Công ty TNHH Đất Biển Việt Nam	0310442985	10.304	HFC-227ea	2903.46.00	3.200
35.	Công ty TNHH Thương mại Trang Đài	0313396871	98.517	HFC-134a	2903.45.00	10.000
				HFC-32	2903.42.00	55.868
				HFC-404A	3827.61.10	2.000
				HFC-407C	3827.64.00	2.000
				HFC-507A	3827.61.20	2.000
				HFC-410A	3827.63.10	13.000
36.	Công ty TNHH Phát triển TM và XNK Thành Phát	0104951306	3.438	HFC-32	2903.42.00	2.000
				HFC-410A	3827.63.10	1.000
37.	Công ty CP Phát triển cơ điện lạnh Hoàng Đạt	0110212857	21.289	HFC-32	2903.42.00	17.000
				HFC-410A	3827.63.10	4.700
38.	Công ty cổ phần phát triển xây dựng cơ điện AE	0107867010	42.700	HFC-227ea	2903.46.00	10.000
				HFC-125	2903.44.00	3.000
39.	Công ty TNHH Dongsung Chemical (Việt Nam)	3600873386	5.442	Forane	3827.39.90	5.948

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
				(365mfc/227ea)		
40.	Công ty TNHH Vin Son	0305661452	1.144	HFC-134a	2903.45.00	800
41.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu GreenCool TECH VN	0110468390	23.234	HFC-134a	2903.45.00	3.047
				HFC-32	2903.42.00	2.040
				HFC-404A	3827.61.10	2.516
				HFC-410A	3827.63.10	2.720
				HFC-507A	3827.61.20	490
42.	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ I.P.C.A	0101941042	48.300	HFC-227ea	2903.46.00	15.000
43.	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Na Na	0102568793	48.300	HFC-227ea	2903.46.00	15.000
44.	Công ty TNHH TM XNK Minh Khải	0310750080	49.187	HFC-134a	2903.45.00	4.000
				HFC-32	2903.42.00	4.500
				HFC-404A	3827.61.10	2.300
				HFC-407C	3827.64.00	2.300
				HFC-410A	3827.63.10	4.500
				HFC-507A	3827.61.20	4.500
45.	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Venus Việt Nam	0110778522	49.119	HFC-134a	2903.45.00	15.000
				HFC-32	2903.42.00	5.000
				HFC-404A	3827.61.10	3.000
				HFC-410A	3827.63.10	6.000
46.	Công ty TNHH LNP Vina Việt Nam	0110863150	48.300	HFC-227ea	2903.46.00	15.000
47.	Công ty TNHH B và H	0303146953	12.880	HFC-227ea	2903.46.00	4.000
48.	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	0104089394	12.870	HFC-134a	2903.45.00	9.000
49.	Công ty TNHH Sing Industrial Gas Việt Nam	3701807975	26.052	HFC-134a	2903.45.00	4.000
				HFC-32	2903.42.00	1.000
				HFC-404A	3827.61.10	3.000
				HFC-407C	3827.64.00	1.500

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Tổng hạn ngạch (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
				Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
				HFC-410A	3827.63.10	2.000
				HFC-407A	3827.63.90	500
50.	Công ty TNHH NS Việt Nam	0108721656	49.853	HFC-404A	3827.61.10	76.00
				HFC-407C	3827.64.00	11.300
51.	Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật và thiết bị bảo vệ	0100284901	49.975	HFC-134a	2903.45.00	19.000
				HFC-32	2903.42.00	600
				HFC-404A	3827.61.10	2.943
				HFC-410A	3827.63.10	5.200
52.	Công ty TNHH Tổng hợp TM Đức Hùng	0106346022	49.275	HFC-32	2903.42.00	3.000
				HFC-404A	3827.61.10	5.000
				HFC-410A	3827.63.10	3.000
				HFC-507A	3827.61.20	5.364
53.	Công ty TNHH MTV TMDV Nam Long	1101870851	49.175	HFC-134a	2903.45.00	7.800
				HFC-32	2903.42.00	4.500
				HFC-404A	3827.61.10	1.500
				HFC-407C	3827.64.00	1.500
				HFC-410A	3827.63.10	9.800
				HFC-507A	3827.61.20	1.500
54.	Công ty CP công nghệ thiết bị Phương Nam	0102514438	48.300	HFC-227ea	2903.46.00	15.000
	TỔNG SỐ		12.907.854			